

ĐỨNG TRÊN TẤT CẢ

Vĩnh Hảo

Trong cuốn *Tăng Già Việt Nam* (1) của Hòa Thượng Thích Trí Quang, có một câu rất hay, rất cảm động mà mỗi khi đọc đến thì cảm thấy lòng hưng phấn, chí nguyện được cất cao lên, không còn khiếp sợ hay nhàm chán phải đối diện với đời sống vô thường hệ lụy:

"*Đứng trên tất cả để sống vì tất cả.*" (2)

Câu ấy được viết ra để nhắc nhở, khích lệ những người xuất gia theo Phật—những người đã từ bỏ mọi thứ cặn bã vinh hoa, danh vọng, quyền lợi, sắc dục, tiền tài... nói chung là tất cả mọi thứ trói buộc tầm thường của cuộc đời.

— Nhắc nhở rằng trách nhiệm cao cả và duy nhất của người xuất gia là tự giác ngộ lấy mình để có thể đem lại trí tuệ giác ngộ cho kẻ khác, tự giải thoát lấy mình để có thể cứu thoát kẻ khác.

— Khích lệ rằng lý tưởng xuất trần là con đường cao đẹp và đúng đắn mà chỉ có những kẻ có tình thương yêu rộng lớn, tuệ căn sâu thẳm và ý chí quyết liệt dũng mãnh mới chọn lựa và dẫn mình vào.

Nhưng khi người xuất gia chọn lựa "đứng trên tất cả," điều đó chẳng có nghĩa là chọn một thứ vị trí không gian hay một thứ giai tầng xã hội nào ở chóp đỉnh của những nấc thang giá trị cuộc đời, mà chính là đứng ra ngoài, hay đúng hơn, vượt ra khỏi, vượt lên trên, tất cả những thế đứng, chỗ ngồi, quyền hạn, lợi dưỡng, sắc dục, danh vị, phẩm trật, chức tước, cấp bằng... nói chung là tất cả những gì mà người thế tục bình phàm cho là quý giá và lăng xăng chạy đuổi theo bằng cả cuộc đời của họ.

CON ĐƯỜNG NGƯỢC DÒNG

Đó là nhìn một cách lạc quan theo danh nghĩa lý tưởng. Còn trên thực tế sinh hoạt, nhất là sinh hoạt của thời đại ngày nay—cái thời đại mà kinh Phật đã thấy trước và đã đặt tên trước là thời kỳ mạt pháp—thì cả lòng người lẫn hoàn cảnh xã hội hầu như đều toa rập, đồng lõa với nhau để đẩy xô những người xuất gia vào một nếp sống mới với những lề lối suy tư, quan niệm, lời nói và hành xử, đi ngược lại với chí nguyện xuất trần ban đầu, để rồi chúng ta đau lòng mục kích bao nhiêu là điều "ngịch thường" trong chốn thiền môn, cả trong nước lẫn hải ngoại.

Cái lẽ nghịch thường ấy, nhìn theo con mắt thế tục, thì chẳng có gì gọi là sai trái, lạ lùng cả và tất nhiên là người thế tục sẽ cho đó là điều bình thường; nhưng áp dụng nó vào nẻo đạo thì cái nghịch thường này thực khó mà chấp nhận. Hòn sỏi ném xuống nước thì chìm đến tận đáy, đó chuyện bình thường; nhưng bong bóng bay mà cũng lặn xuống đáy nước thì không phải là bình thường nữa. Cả người bán lẫn người mua bong bóng bay đều mong đợi sự bay lên của những chiếc bong bóng. Giá trị của chiếc bong bóng bay là ở chỗ bay lên ấy. Khi bong bóng xiù không bay nổi, chúng mất giá trị, chúng không bình thường, không còn lý do nào để tồn tại.

Con đường xuất gia là con đường ngược dòng. Giới nhà thiền gọi là **ngịch lưu**. Trong khi tất cả những người thế tục và cả những người cư sĩ tại gia có hiểu và tu tập theo giáo lý Phật, đều chạy xuôi theo dòng tục lụy, thì chỉ có họ, những người xuất gia, là bơi ngược dòng để tìm về nguồn cội vô tận thanh tịnh.

Chọn lựa sự ngược dòng là chọn lựa đứng trên tất cả, vượt lên tất cả những cặn bã phù phiếm của dòng đời. Thế thì, tại sao một người xuất gia phải cúi đầu bằng lòng, hãnh diện, vui vẻ, ngưỡng mộ, khiếp phục, tận lực gia công, bỏ hết thì giờ, cặm cụi cặm cụi, hăm hở chạy theo... những cái gọi là sự thành công của đời sống thế tục? Tại sao bong bóng càng lúc càng xiù đi một cách thảm hại để rồi cứ la đà trên mặt đất? Tại sao con thuyền ngược dòng lại quay mũi mà xuôi theo sóng nước? hay là nó vẫn hướng mũi về phía đầu nguồn nhưng lại đi tới về phía cuối nguồn bằng cái đuôi thuyền?

Khi người xuất gia chăm hăm bỏ hết thì giờ của mình để được thành công với đời—bằng bất cứ phương cách nào—thì người ấy đã thất bại thấy rõ trên đường đạo. Thất bại là vì đã chọn đứng giữa và đứng trong tất cả, thay vì đứng trên tất cả.

PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO

Người ta có nhiều lý do để biện minh cho thái độ chọn lựa này. Chẳng hạn, vì hoàn cảnh xã hội, vì thời cuộc, vì nhân tâm thời nay đòi hỏi người xuất gia phải như vậy. Hoặc nói theo ngôn ngữ nhà thiền thì, "phải biết dùng phương tiện thiện xảo để độ sanh." Vâng, *phương tiện thiện xảo* (3). Bối

chữ ấy đối với những bậc thực sự giải thoát giác ngộ (hoặc thực sự qui hướng bản tâm vào lý tưởng xuất trần độ sanh) thì là cái gì linh diệu, đẹp đẽ, như những cánh tay đầy diệu dụng (mười tám tay của Bồ Tát Chuẩn Đề, ngàn tay của Bồ Tát Quán Thế Âm...) như những chìa khóa vàng mở vào kho vô tận... nhưng đối với kẻ tuy mang hình thức xuất gia mà tâm hãy còn bươn chải lặn hụp theo dòng thế tục thì đó chỉ là thứ rào chắn bảo vệ và che đậy, biện minh và khóa lấp tất cả sự hèn kém tầm thường của chiếc bong bóng xì hơi mà thôi.

Chúng ta có nên đổ lỗi cho thời kỳ mật pháp đã khiến một số người xuất gia không còn ôm giữ chí nguyện xuất trần? Chúng ta có nên biện minh rằng tất cả những gì người xuất gia làm hôm nay đều là mở rộng cánh cửa phương tiện thiện xảo?

Thực ra, khi một người phát khởi tâm bồ đề (giác ngộ), luôn hướng vọng đến đạo quả giải thoát và chí nguyện độ sanh, thì không có vấn đề chánh pháp, tượng pháp hay mật pháp nữa. Bỏ đi, hoặc lơ là với chí nguyện xuất trần, là tự mình lặn vào thời kỳ mật pháp; không những sống trong thời kỳ mật pháp mà còn sống trong tất cả những hoàn cảnh mật pháp.

Còn nói rằng vì phương tiện độ sanh mà làm các việc thế tục thì điều này chẳng lạ gì với tư tưởng dẫn thân hành đạo của truyền thống Đại thừa. Nhưng nếu tâm bồ đề không phát khởi, không giữ gìn, không phát triển, không đẩy đến mức toàn vẹn, thì tất cả những phương tiện dù có mang lại một kết quả tốt đẹp nào đó đối với đời thì cũng đều là sự manh động của tự ngã (4), không dính nhập gì đến đạo quả giải thoát giác ngộ và hạnh nguyện lợi sanh cả. Và những thứ phương tiện được thực hiện theo cách đó không thể nào gọi là phương tiện thiện xảo. Chúng chỉ là phương tiện theo ý nghĩa thông tục nhất của thế gian mà thôi. Mà phương tiện theo cách ấy thì ai lại chẳng làm được! Tất cả những con người gian ác, bạo tàn, qui quyệt, hám lợi hám danh, tham quyền cố vị, vị kỷ, hèn mọn, đê tiện, thấp kém, ngu dốt và cả những người trí thức... đều học tập, thực hành và phát triển phương tiện riêng của họ. Nhưng không có thứ phương tiện nào trong số đó được gọi là *phương tiện thiện xảo*, bởi vì chúng được thiết lập không phải để nhắm vào mục đích giải thoát giác ngộ.

Tóm lại là không có lý do nào để có thể đổ lỗi cho thời kỳ mật pháp hay biện bạch cho sự phóng tâm chạy xuôi theo dòng đời. Hễ mục đích sai lầm thì tất cả phương tiện đều sai lầm. Suy ra, khi người ta làm những phương tiện sai lầm thì ắt phải biết là mục đích của họ đã sai lầm.

Nhưng phương tiện nào là phương tiện sai lầm? Nói vậy e có phải là vội vàng, bao đồng lắm không? Chứ không phải người ta thường nói rằng: Nghề nào cũng tốt! Miễn là "*nhất nghệ tinh, nhất thân vinh*" (5) và miễn sao nghề xấu mà lòng tốt thì được rồi. Vâng, quan niệm ấy có thể áp dụng được ở thế tục hoặc một khía cạnh nào đó trong đạo. Nhưng cũng tương đối thôi. Vì nó chỉ có tính cách luân lý, an ủi những thành phần bất tài, thấp kém không tìm được những nghề nghiệp vững chắc và danh giá trong xã hội, cũng như để khích lệ những người lừng xằng dao động nên chú tâm vào một việc. Còn trên thực tế xã hội thì không ai khuyến khích nghề trộm cướp, nghề đồ tể, nghề ăn mày ăn xin... (bất kể lòng dạ tốt hay xấu) mà chỉ khuyến khích các nghề bác sĩ, kỹ sư, thương gia... (cũng bất kể lòng dạ tốt xấu). Chính vì vậy, chắc chắn là có những phương tiện sai lầm trong xã hội đầy dẫy những con người với lòng dạ bất thiện. Chính vì bất thiện ở tự tâm, họ không bao giờ có mục đích nào gọi là cao đẹp hay có lợi ích cho kẻ khác. Nhưng họ lại là những người luôn lấy phương châm *cứu cánh biện minh cho phương tiện* để tô vẽ cho những hành động vị kỷ của mình.

Xét về mặt nhân quả thì phương tiện và cứu cánh phải tương ứng thích hợp với nhau. Phương tiện xấu thì đưa đến cứu cánh xấu; ngược lại, cứu cánh xấu cũng mở đường cho những phương tiện xấu. Không có thứ phương tiện tồi tệ của một kẻ tồi tệ nào lại đưa đến một cứu cánh hoàn hảo. Nói như Krishnamurti—một vị đạo sư giác ngộ vĩ đại nhất của thế kỷ 20 mà chưa bao giờ tự nhận mình là đạo sư—thì "*Tự do đầu tiên và cuối cùng*" (6). Có thể tạm hiểu ý chính của tựa đề này (và cũng là nội dung của toàn bộ cuốn sách) rằng, cái nhân tự do giải thoát mới đưa đến cái quả tự do giải thoát. *Đầu tiên* là **nhân**, *Cuối cùng* là **quả**. Khi thiết lập một thứ phương tiện mà thiếu tính cách tự do, thì sẽ chẳng bao giờ có được cái cứu cánh tự do cả. Cũng vậy, các phương tiện xuôi dòng của thế tục không thể nào dẫn đến cứu cánh giải thoát giác ngộ.

(lược bớt một mục với nhiều đoạn)

KÍNH TÍN VÀ PHÂN BIỆT

Nhận biết được chân sư và tà sư cũng là thực hành trạch pháp và cũng hàm nghĩa rằng có một thứ chìa khóa hay một mẫu chốt nào đó để tìm ra, để nhận dạng những vị thánh tăng (và dĩ nhiên là đã vô tình so sánh với phàm tăng). Điểm này xem ra có vẻ là điều cấm kỵ trong giới tu tập Phật giáo. Nó cho người ta cái cảm giác như là mình vô lễ vô phép, mất niềm tin đối với Tam Bảo.

Thực ra, tìm thầy học đạo không nhất thiết phải tìm cho ra một vị thánh tăng, mà chỉ cần tìm cho được một vị **chân tăng**. Vị chân tăng này có thể là thánh hay phàm (8), nhưng họ có một điểm chung

là hướng vọng đến đạo quả bồ đề; mà hướng vọng đến đạo quả bồ đề thì chắc chắn là phải **thực hiện hạnh vô ngã trong từng ý nghĩ, lời nói, và hành động thường nhật của họ.**

Thông thường, với lòng kính tín sâu xa vào Tam Bảo qua hình ảnh sáng ngời của đức **Phật**, qua sự vi diệu của giáo **Pháp**, và qua những tấm gương cao đẹp của nhiều thế hệ chân **Tăng**, người ta có thói quen là không dám đánh giá, lượng định, so sánh... phẩm giá và hành trạng của những người xuất gia hiện tại, cứ một mực cho rằng, "vị nào cũng tốt," hoặc "dù họ không được hoàn hảo lắm thì cũng hơn mình," hoặc "biết đâu họ là bồ tát hóa thân..." Thái độ kính tín sâu xa ấy rất cần thiết cho người sơ cơ học đạo và cũng rất cần thiết cho những người đang thực hành bồ tát đạo, học theo hạnh của Bồ tát Thường Bất Khinh (9), luôn luôn quý trọng tôn sùng kẻ khác vì tin tưởng Phật tính sẵn có nơi họ. Nhưng trong trường hợp một người tầm sư học đạo, tha thiết tìm cầu đạo lý giác ngộ để vĩnh viễn giải thoát, thì vấn đề phân biệt chân sư - tà sư, tất phải đặt ra. Cố nhiên là phải như vậy. Bởi vì **không phân biệt được sự sai khác giữa chân và tà sư thì có thể xảy ra trường hợp suốt đời tu hành lao nhọc mà chẳng có kết quả gì đáng kể, hoặc đi theo tà ma ngoại đạo từ lâu mà chẳng hay.**

CHÂN SƯ VÀ TÀ SƯ

Chân sư và tà sư khác nhau chỗ nào?

(lược bớt một đoạn)

Thực hành giáo lý đạo Phật, tu sĩ Phật giáo **không phải chỉ là** những người trau luyện đạo đức hay một thứ tư cách cao quý đức hạnh làm người nào đó mà xã hội mong đợi. Con đường chính yếu của họ là thực hành các phương pháp tinh diệu nhằm phá vỡ biên giới của tự ngã để thể nhập vào bản thể vô tận sẵn có trong mỗi người, mỗi loài. Để thành tựu trọn vẹn mục tiêu này, hành giả phải trải qua một tiến trình, hoặc nhanh hoặc chậm, gồm 53 giai đoạn từ sơ cơ đến thượng trí (10). Những giai đoạn tu chứng này vượt ra khỏi thứ đạo đức làm người của thế gian, bước vào thánh hạnh cao quý của hàng Bồ tát, Phật. Và chính vì có khá nhiều giai đoạn và thứ bậc như thế, việc nhận dạng các vị chân tu đắc đạo đang ở giai đoạn nào không phải là đơn giản, trừ phi chúng ta đắc đạo như Phật.

Tuy nhiên, như đã nói ở trước, để tầm sư học đạo, chúng ta cần thiết phải biết nhận dạng một vị chân sư để theo học, như cách người xưa thường nói "*chọn mắt gửi vàng.*" Điều này nói ra có vẻ như một điều mai mỉa bất kính làm đụng chạm một số đạo sư nào đó. Nhưng nếu thực sự có một sự đụng chạm, hóa ra vị đạo sư ấy dễ bị dao động đến thế sao? hóa ra vị đạo sư ấy hãy còn một cái ngã to lớn cứng rắn nào đó để cho sự lượng giá của học trò đụng chạm đến sao? và nếu cứ tránh né đụng chạm những đạo sư, hóa ra lại đẩy những thiệt thòi về phía những người học trò đang khao khát tìm cầu chân lý? *(lược bớt một câu)* Nếu chọn lầm sư phụ thì chẳng phải là tiền đồ tu tập của chúng ta sẽ mở vào một cõi u u minh minh hay sao?

Cho nên, rất cần thiết phải biết chọn thầy bằng cách nhận dạng dấu hiệu thực nghiệm toát ra từ nếp sinh hoạt của họ. Sự nhận dạng này không có nghĩa là phải nhìn thấu từng quả vị tu chứng của họ hoặc đòi hỏi họ phải chứng minh sở đắc. Chúng ta có một chìa khóa nhỏ để mở ra cái kho vô tận xứng đáng cho mình qui phục, nương tựa. Và chìa khóa đó chính là điểm chung mà hầu như các vị chân tăng đều có: **tính cách vô ngã thể hiện trong nếp sinh hoạt hàng ngày.**

Chân sư và tà sư theo quan niệm Phật giáo khác nhau ở chỗ đó. Họ có thể sử dụng những phương tiện giống nhau: tụng kinh, tọa thiền, giảng dạy Phật Pháp, làm việc văn hóa, làm việc xã hội từ thiện... Nhưng mục đích hành đạo của họ thì khác nhau: một bên thì có khuynh hướng dẹp trừ bản ngã để thể nhập vào thể tánh vắng lặng vô biên; một bên thì nuôi lớn bản ngã, đắp cao thành trì của ái dục và lợi danh tầm thường.

Cần nhấn mạnh một lần nữa nơi đây rằng, chúng ta chỉ chú trọng đến *chân* và *tà*. Mà trong *chân* có thể vừa có thánh vừa có phàm, trong khi trong *tà*—dù có là một đạo sư nổi tiếng cách mấy đi nữa—chỉ hoàn toàn là phàm. Như vậy, nếu chúng ta thực sự muốn tìm cầu một bậc thầy có khả năng hướng dẫn ta tiến đến giải thoát giác ngộ, nên lấy *chân*, bỏ *tà*.

(lược bớt một đoạn)

Chân sư Phật giáo tạm thời phân chia thành hai bậc: thánh tăng và phàm tăng.

Các *chân thánh tăng* thì miễn bàn, vì chắc chắn họ là những bậc chân sư đáng qui phục, ai có phước duyên thì được tu tập dưới sự hướng dẫn của họ. Giả như không gặp thánh tăng, chúng ta hãy còn may mắn là có những *chân phàm tăng* để bái làm thầy. Những vị này tuy chưa chứng thánh nhưng luôn có khuynh hướng truy cầu giải thoát giác ngộ, biết được con đường chân chính để đi và hướng dẫn môn đệ cùng đi, nỗ lực tu tập những phương thức dẹp trừ bản ngã và khát dục. Cả hai bậc chân sư trên đều rất xứng đáng cho chúng ta đánh lễ qui y.

Nhưng ở trên, vẫn chỉ là nói một cách khái quát. Chúng ta cần đi vào chi tiết: *làm thế nào để nhận ra một vị chân sư?* Câu hỏi này đưa chúng ta quay trở lại với tiền đề nêu ở trước: **tính cách vô**

ngã thể hiện trong nếp sinh hoạt hàng ngày của các vị chân sư.

VÔ NGÃ TRONG NẾP SINH HOẠT

Theo quan niệm Phật giáo, sở dĩ chúng sinh trôi lăn trong biển khổ luân hồi là vì đã tự cho rằng mình thực sự có một thứ cá ngã độc lập. Một vài tôn giáo tôn thờ thần quyền cũng đã xác nhận có một thứ bản ngã qua sự tồn tại bất diệt của linh hồn; trong khi có tôn giáo chủ trương hy sinh bản ngã bằng cách dâng hiến trọn vẹn thể xác và linh hồn cho thần linh để được đền bù tưởng thưởng xứng đáng sau khi chết. Công nhận hay chối từ bản ngã theo các lối trên, đều chứng minh có một cái ngã có thực tướng hay có thực tánh, thực sự tách rời với vũ trụ và vạn hữu chung quanh. Và đây chính là cái mầm của phiền não, trói buộc.

Tu tập theo Phật giáo là tiến trình của sự lột bỏ (nhánh hay chậm, hoàn toàn hay từng phần) sự vận hành và tồn tại của cái ngã đó. Tất cả các pháp môn tu tập từ cao đến thấp của Phật giáo đều qui hướng về tự tánh Không, tức là phá bỏ mọi kiến chấp về ngã (cái ta), ngã sở (cái thuộc về ta), pháp (một cái gì ở ngoài ta mà ta đang hướng đến hay chối bỏ, nghĩ rằng ta đạt được nó hoặc ta đang vượt qua nó...). Trở về với tánh Không thì xóa sạch vết tích của ngã và pháp—đó là con đường nhanh của bậc thượng căn thượng trí. Xóa sạch vết tích của ngã và pháp thì trở về với tánh Không—đây là con đường chậm của hàng trung căn hạ căn. Nhưng dù là thượng căn hay hạ trí, dù phương pháp tu tập có khác nhau, họ vẫn có điểm chung là phá trừ kiến chấp về ngã.

Như vậy, nếu **thực sự muốn tu tập để thoát ly sinh tử**, chúng ta phải sáng suốt tìm đến một vị chân tăng chứ không cần uống phí thì giờ và công phu tu tập của mình theo chân những vị thầy mà nếp sinh hoạt hàng ngày của họ biểu lộ rõ ràng khuynh hướng bảo vệ và nuôi lớn tự ngã như các trường hợp điển hình sau:

— khi một vị thầy tự xưng mình là bậc thầy vĩ đại hoặc là bậc thầy cao tột không ai bằng (*đại sư, vô thượng sư*), hoặc vui thích đắm mình trong những danh xưng, tước hiệu, phẩm hàm tôn quý do kẻ khác ban tặng... vị thầy ấy đang ở trong cơn mê của lòng vị ngã, ái ngã, và đang ôm theo mình niềm tăng thượng mạn, tích cực nổi đuôi ma vương để trèo lên đỉnh thang hào nhoáng không thực của danh vọng và quyền lợi thế gian;

— khi một vị thầy nói với bạn rằng chỉ có phương pháp của ông (hay bà) là cao tột, vượt hẳn các phương pháp của các bậc thầy khác, thì vị thầy này đang sống trong niềm tự hãnh của một bản ngã còn đầy cần khí kiêu kỳ, ngạo mạn;

— khi một vị thầy phê phán và chỉ trích cá nhân những bậc thầy khác, nêu những lỗi xấu của những bậc thầy khác để làm nổi bật phong cách của mình, thì vị thầy này đang biểu lộ phần nào tâm lượng tị hiềm nhỏ mọn của mình;

— khi một vị thầy, dù không lên tiếng chỉ trích kẻ khác, cũng không tự mở lời khoa trương về phẩm cách của mình, nhưng hài lòng với sự tăng bốc ca tụng của môn đệ và trong lòng tự nghĩ mình cao quý, lảng lảng cười mỉa mai kẻ khác, không chịu lắng nghe quan điểm của kẻ khác để tự sửa mình mà một mực cho rằng kẻ khác chỉ trích hay phê phán mình là vì họ thua sút và ganh tị mình, thì vị thầy này cũng đang tự bồi đắp tường thành ngã chấp ngay ở nền tảng thâm sâu của nó;

— khi một vị thầy thường tỏ vẻ bất bình, bần gắt, cau có, lúc nào cũng muốn mọi người phải thuận theo ý mình chứ không chấp nhận luận điểm trái ngược, chỉ đòi hỏi sự tuân phục tuyệt đối từ kẻ khác, thì vị thầy ấy đang tiếp tục nuôi dưỡng mầm mống của tâm ái ngã;

— khi một vị thầy thường trau chuốt bề ngoài của mình bằng hương hoa, bôi trát son phấn để tạo cái đẹp giả dối hoặc che giấu nhân dáng thực của mình, hoặc dùng các thứ trang sức vàng bạc, y phục diêm dúa đắt tiền lộng lẫy để chứng tỏ sự hào phóng giàu sang... có nghĩa là vị thầy đó chưa bao giờ tìm thấy một thứ giá trị cao tột nào ở phần tâm linh và đang bị dẫn dắt bởi những tiểu yêu tâm thường nhất của con ma dục vọng;

— khi một vị thầy ưa thích xuất hiện giữa đám đông quần chúng để được ca tụng và đón nhận lòng ngưỡng mộ từ kẻ khác, tung tiền bạc và lòng thương giả tạo để mua chuộc niềm tin của những kẻ nghèo kém vật chất và tinh thần... vị thầy đó đã tự chứng tỏ có một sự rỗng tuếch bên trong của mình và đang cố gắng khóa lấp bằng ảo tưởng là có một thứ tự ngã cao quý được người khác nhìn nhận;

— khi một vị thầy lộ vẻ hãnh diện khi được sự tưởng thưởng từ các giới quyền lực thế gian, khiếp sợ và tỏ ý tuân phục các thứ cơ cấu chính quyền để mưu cầu an nguy cho bản thân, hoặc cảm thấy mình được tăng giá trị khi thân cận tiếp xúc với giới này, hoặc thâu góp tài sản dâng hiến của môn đệ để biểu tặng giới này mà mưu cầu danh vọng... vị thầy đó rõ ràng hãy còn cái tâm vị ngã, chưa thấy được giá trị cao tột của con đường xuất thế viển ly, chưa tìm được nơi nương tựa chân chính cho tâm linh mình và chưa tự làm ngọn đuốc soi sáng cho đời mình;

— khi một vị thầy thường lấy bằng cấp, sách vở, kiến thức thế gian và sự qui tụ đông đảo của

giới trí thức học đường thể tục để làm thứ bảo chứng giá trị cho việc tu tập tâm linh của mình, có nghĩa rằng vị thầy ấy đang còn đứng ngoài vòng rào của trí tuệ siêu việt, chưa bao giờ nắm được chất liệu giải thoát giác ngộ thực sự và có thể là chưa từng bao giờ có khuynh hướng muốn vượt tới sự viên ly triệt để;

— khi một vị thầy làm được điều gì cũng hay có khuynh hướng tự kể lể, báo cáo, khoa trương, đưa hình ảnh và tên tuổi của mình ra trước công chúng qua các phương tiện truyền thông hoặc khích lệ, vui vẻ, tán đồng sự tăng bốc, khoa trương kể lể của môn đệ đối với việc làm của mình... vị thầy ấy hãy còn mê muội đắm mình trong ảo giác của những vầng hào quang huyền diệu của dư luận và danh vọng thế gian;

— khi một vị thầy sợ hãi dư luận quần chúng, sợ hãi sự mang tiếng cho cá nhân mình, sợ hãi sự phiền hà rắc rối cho đời tư của mình mà ngoảnh mặt với điều thiện nên làm, làm ngơ trước điều ác đang làm khổ những đồng loại chung quanh mình, thì vị thầy ấy chưa có được tâm vô úy; chưa có được tâm vô úy có nghĩa là vị thầy ấy hãy còn nuôi giữ một thứ bản ngã to lớn, co rút trong cái vỏ của vị kỷ, cầu an; điều này cũng chứng tỏ vị ấy chưa có được sự mẫn tuệ của kẻ thực hành bồ tát hạnh và cũng chưa phát triển đúng mức lòng từ bi của mình đối với chúng sinh...

Vài nét đại cương ở trên dĩ nhiên không có giá trị tuyệt đối nhưng ít nhất chúng cũng cho chúng ta khái niệm về những biểu hiện của cái *ngã*—đối tượng để tu tập và chuyển hóa trong tất cả mọi pháp môn, mọi sinh hoạt của Phật giáo.

Trình bày những biểu hiện của sự chấp ngã, người viết chỉ hy vọng một điều duy nhất là những người môn đệ tìm cầu giải thoát giác ngộ có thể chọn được một minh sư chân chính nào đó để hướng dẫn mình đi đúng đường; còn những vị đang đóng vai trò hướng đạo thì cũng tự nhìn lại mình, lượng giá được chân tướng của mình cũng như con đường mà mình đang đi.

(Lược bớt một đoạn)

Để vĩnh viễn thoát ly sinh tử hay ít nhất cũng chọn được chính đạo để xác định tiêu đích giải thoát của mình, người học trò phải tìm cho kỳ được một vị chân sư (phàm hay thánh) đang ngày đêm nỗ lực hướng đến tiêu đích giải thoát đó và đang sống giữa cuộc đời ô trược này mà không đắm nhiễm cuộc đời. Tính cách bất nhiễm của vị chân sư đó được thể hiện trong tinh thần vô ngã. Sự tu tập của người theo Phật giáo khác với tín đồ của các tôn giáo khác ở chỗ đó.

(Lược bớt một đoạn)

Việc hành đạo của người xuất gia chân chính thì vừa cứu độ chúng sinh, vừa cứu độ chính mình, ra khỏi trùng vây của ngã chấp, thoát ly hoàn toàn cái vòng lẩn quẩn của tử sinh.

Người xuất gia sở dĩ đứng trên tất cả là do đã sống vì tất cả; sống vì tất cả là do không còn bám chặt vào gốc rễ của tự ngã. Tu tập, hành đạo, làm việc thiện, mà cứ khư khư bám chặt lấy tự ngã thì suốt đời suốt kiếp cũng chỉ là viên sỏi lặn xuống đáy nước. Trong khi đó, những ai đã phá trừ tất cả mọi thứ gốc rễ, mọi thứ đeo bám, mọi thứ rườm rà nặng nhọc của hình thức và tự tâm, thì có thể như cánh nhạn, như làn mây, như sợi khói mỏng, hay như chiếc bong bóng, nhẹ nhàng bay lên bầu trời vô tận.

Thực ra, những vị chân tăng nói trên không phải là không có. Có khi họ ẩn thân ở một nơi heo hút gió, mà cũng có khi họ sống rất gần gũi với chúng ta. Chỉ tại chúng ta thích chạy theo giá trị hời hợt của đám đông, cứ tưởng rằng hễ là chân sư thì phải nổi tiếng hoặc kẻ nào nổi tiếng thì phải là chân sư... nên không nhìn ra được những vị chân sư rất bình phàm, chơn chất, giản dị, có khi chẳng có một mảy may tài năng, phép lạ, tiếng tăm, bằng cấp, hay danh vọng gì cả... Không có thứ thước đo nào của thế gian này có thể lượng định được chân giá trị của một bậc chân sư. Chỉ có chìa khóa duy nhất: **tinh thần vô ngã**—mà Phật dạy từ hơn hai ngàn năm trước—là có thể mở ra cho người môn đệ nguồn hứng cảm vô tận của giải thoát giác ngộ. Tinh thần ấy đã đào tạo nên nhiều thế hệ chân tăng cho nhiều quốc gia, nhiều thời đại; cống hiến cho cuộc đời những bậc thầy thong dong tự tại, đến và đi một cách lặng lẽ, không cột trói mình vào bất cứ thứ hình thức rườm rà huyền diệu nào của cuộc đời.

Riêng tôi, tôi luôn nhìn thấy họ quanh tôi, rất thân cận với tôi. Thân cận nhưng họ lại ở trên tôi rất xa, bởi vì họ đứng trên tất cả mà không bao giờ thấy mình đứng trên tất cả.

(trích từ tác phẩm Con Đường Ngược Dòng, xuất bản năm 1998)

CHÚ THÍCH:

(1) Xuất bản từ năm 1952 tại Việt Nam. Ở hải ngoại, được tái bản năm 1986 bởi nhà xuất bản Phú Lâu Na, Hoa Kỳ.

(2) Nguyên văn câu ấy là "Đứng trên tất cả để sống vì hết thấy." Xem Tăng Già Việt Nam, trang 16.

(3) Phương tiện (Sanskrit: Upāya) là một thuật ngữ Phật giáo không phải chỉ có ý nghĩa như là một thứ khí cụ, dụng cụ tiện lợi như cách người thế tục hiểu (chẳng hạn phương tiện chuyên chở, phương tiện đi lại...); mà chính là chỉ những pháp môn, những phương thức độ sinh khéo léo và tiện dụng (thiện xảo) của những hành giả dẫn thân trên con đường Bồ-tát. Ngoài ý nghĩa là phương pháp độ sinh tiện lợi và thích hợp trong một hoàn cảnh đặc biệt nào đó, Upāya còn được dịch là quyền, có nghĩa là quyền biến, tạm thời (như Quyền trí hay Phương tiện trí--[Sanskrit: Upāyajnāna]: trí tuệ quyền biến, tạm thời thiết lập để cứu độ chúng sinh, dẫn dắt họ đến Bát-nhã trí, Chân-thật trí).

(4) Trong kinh Hoa Nghiêm có đoạn nói: "Vong thất bồ đề tâm tu chư thiện pháp, danh vi ma nghiệp." Có nghĩa là thực hành các điều lành mà quên mất tâm bồ đề thì các việc lành đó cũng chỉ là hành động của ma (ma nghiệp).

(5) Một nghề mà chuyên thì vinh thân cả đời.

(6) Tựa đề một tác phẩm của Krishnamurti (1895-1986): "The First and Last Freedom." Phạm Công Thiện dịch là "Tự do Đầu tiên và Cuối cùng."

(7) Trạch pháp (Sanskrit: Dharma-pravicaya) là chi hay phần đầu của Thất Bồ Đề Phần (còn gọi là Thất Giác Chi), có nghĩa là khả năng phân biệt pháp đúng-sai, phải-trái, chân-ngụy, chánh-tà... Thất Bồ Đề Phần là bảy đức tính phải có của bồ đề (bodhi - giác ngộ) mà bất cứ hành giả nào cũng phải trải qua để tiến đến giác ngộ; gồm có: 1) Trạch pháp, 2) Tinh tấn (Virya), 3) Hỷ (Priti), 4) Khinh an (Prasabdhi), 5) Niệm (Smrti), 6) Định (Samādhi) và 7) Hành xả (Upeksā). Thất Bồ Đề Phần theo thứ tự của số đếm (chứ không phải quan trọng hay thứ yếu) được xếp hàng thứ 6 trong 37 Phẩm Trợ Đạo (4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 bồ đề phần và 8 chánh đạo).

(8) Theo một nghĩa khác, thực ra khi một vị tăng tu hành chân chính (chân tăng) thì dù chưa chứng thánh quả, vẫn cứ là thánh như thường.

(9) Vị Bồ-tát này thấy ai cũng lễ lạy, nói rằng: "Tôi rất kính quý các ngài, vì các ngài sẽ thành Phật." Xem truyện tích này trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát thứ 20, bản dịch của Thích Trí Tịnh, Liên Hải Phật Học Đường xuất bản 1948, trang 489-499.

(10) 53 giai đoạn liệt kê vẫn tắt như sau: Thập Tín (10), Thập Trụ (10), Thập Hạnh (10), Thập Hồi Hướng (10), Thập Địa (10), Đẳng Giác (1), Diệu Giác (1), và Phật (1). Về tiến trình tu tập gồm 53 giai đoạn này, xin đọc kỹ Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới thứ 39, bản dịch của Thích Trí Tịnh, Phật Học Viện Quốc Tế tái bản tại Hoa Kỳ năm 1988, tập 7 từ trang 25- 681, tập 8 từ trang 25-548. Hoặc tìm đọc Kinh Thủ Lăng Nghiêm Trực Chỉ của Thiền sư Đơn Hà, bản dịch và giảng giải của Thích Đôn Hậu và Thích Mật Nguyện, do Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản năm 1995 tại Hoa Kỳ, tập 2, Đoạn 6, An Lập Thánh Vị, từ trang 718-751. Ở kinh này, tiến trình tu tập được chia làm 55 giai đoạn: Đẳng Giác, Diệu Giác và Phật, tính làm một, là kết quả tối hậu, không liệt kê trong thứ bậc tu hành; các quả vị khác cũng có Thập Tín (10), Thập Trụ (10), Thập Hạnh (10), Thập Hồi Hướng (10), Thập Địa (10), cùng với Càn Huệ (1) là giai đoạn đầu trước khi bước vào Thập Tín, và Tứ Gia Hạnh (4) là bốn giai đoạn giữa Thập Hồi Hướng và Thập Địa.